

## ĐỔI MỚI KINH TẾ VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

### LÊ ĐĂNG DOANH \*

Công cuộc đổi mới kinh tế ở Việt Nam diễn ra từ sau Đại hội lần thứ 6 của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986) không chỉ tác động đến kinh tế mà còn có ảnh hưởng sâu rộng về xã hội, tới tất cả các tầng lớp dân cư, tới từng người dân.

Về cơ bản và lâu dài, đổi mới kinh tế tác động đến các vấn đề xã hội theo hướng tiến bộ, thúc đẩy xã hội phát triển một cách năng động, đa dạng, dân chủ, vừa phát huy nền văn hóa truyền thống lâu đời của Việt Nam, vừa tiếp thu có chọn lọc nền văn minh của nhân loại. Đổi mới kinh tế sẽ đem lại một nền kinh tế phồn vinh, tạo cơ hội để mọi người có thể phát triển, nâng cao từng bước phúc lợi xã hội. Mặt khác, trước mắt và trong một thời gian nhất định, bên cạnh những tác động tích cực, sự đổi mới kinh tế cũng gây ra những đảo lộn về mặt xã hội, tạm thời có thể có những tác động tiêu cực không mong muốn cần được kịp thời phát hiện và khắc phục. Năm phương hướng đổi mới kinh tế là:

1- Thay đổi cơ cấu kinh tế, thay đổi lớn cơ cấu đầu tư.

2- Thực hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần.

3- Khắc phục cơ chế quản lý quan liêu bao cấp, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận dụng cơ chế thị trường dưới sự quản lý và/ kế hoạch hóa của Nhà nước.

4- Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

5- Mở rộng dân chủ, đổi mới tổ chức Nhà nước quản lý kinh tế đều có những tác động ở mức độ khác nhau đến các vấn đề xã hội. Trong thời gian qua, thay đổi về cơ cấu kinh tế chưa nhiều, tỷ trọng lao động trong nông nghiệp có giảm đi đôi chút, song không đáng kể. Do chuyển sang cơ chế thị trường, gặp cạnh tranh gay gắt nên ngành, nghề tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp ở nông thôn chậm phát triển.

Tỷ trọng lao động trong các ngành kinh tế chủ yếu:

%

	1986	1987	1 988	1989	1990
Công nghiệp	10,65	10,89	11,06	11,20	11,20
Xây dựng	3,22	2,95	3,00	2,75	2,75
Nông nghiệp	72,26	72,39	71,82	71,52	71,58

Cùng với những thay đổi trong cơ chế quản lý và chính sách các thành phần kinh tế, sự phát triển trong sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng, gia tăng sản lượng điện. . . đã đem lại những cải thiện rõ rệt trong đời sống người dân. Quy tiêu dùng đã tăng lên qua từng năm từ 2%-3%.

*Chính sách mới về các thành phần kinh tế* đã có những tác động về mặt xã hội cực kỳ sâu rộng. Lần đầu tiên từ 1975 đến nay, ở Việt Nam đã bảo đảm về pháp lý và thực hiện trên thực tế quyền tự do trong kinh tế. Mọi công dân đều có quyền kinh doanh hợp pháp, không bị hạn chế về số vốn đầu tư cũng như số công nhân tối đa. Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ 7 (tháng 6-1990) đã thông qua điều khoản bổ sung Luật đầu tư cho phép các tổ chức kinh doanh tư nhân Việt Nam được đứng ra hợp doanh với nước ngoài. Các thành phần kinh tế sẽ tồn tại lâu dài và bình đẳng trước pháp luật, hợp tác và cạnh tranh với nhau. Từ năm 1988 đến 1989, số hộ tư nhân đã

\* Phó Viện trưởng Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương

đầu tư thêm 250 tỷ đồng, số xí nghiệp tư nhân tăng từ 19 hộ lên 332 hộ, số hộ cá thể tăng từ 232000 hộ lên 249000 hộ. Số hộ tiểu công nghiệp đã tăng từ 11.283 hộ (1988) lên 13.170 hộ cuối 1989. Giá trị sản lượng công nghiệp do kinh tế tư nhân và cá thể tạo ra đã tăng từ 17,7% tổng sản lượng công nghiệp (1985) lên 27% vào những năm 1989-1990 ước tính số hộ tư nhân đã tạo ra chỗ làm việc cho 40% tổng số chỗ làm việc mới cho lao động xã hội trong thời gian qua.

Nhiều công nhân viên chức Nhà nước về hưu hoặc gia đình công nhân viên chức còn tại chức đã làm kinh tế gia đình. Trong số 38.443 công ty tư nhân ở Hà Nội có 16.299 là do gia đình cán bộ kinh doanh, chiếm tỷ lệ 42,4%<sup>1</sup>. Ở các thành phố, đã cho phép 2.200 nhà thuốc và 4.326 phòng khám bệnh tư nhân hoạt động (đến 6-1990) đáp ứng khoảng 10-20n/đ nhu cầu khám và chữa bệnh ở đô thị. Nhiều trường dân lập đã được thành lập và hoạt động có kết quả. Một trường đại học dân lập đã được thành lập ở Hà Nội với sự hỗ trợ của nhiều trí thức trong nước và ngoài nước. Nhà nước đã cho phép cá nhân được đi học, đi làm việc ở nước ngoài trên cơ sở tự chịu trách nhiệm về tài chính. Sự giao tiếp với người nước ngoài được mở rộng hơn. Số trường hợp hôn nhân giữa người Việt Nam và người nước ngoài tăng lên. . .

Tất cả những chính sách đó có những ảnh hưởng sâu sắc về tâm lý và xã hội.

Thay thế cho các đơn vị kinh tế và dịch vụ nhà nước độc quyền và tồn tại với bất kỳ hiệu quả nào, nay đã có sự cạnh tranh. Độc quyền Nhà nước về gạo, lương thực cơ bản của người Việt Nam, cũng đã được xóa bỏ. Người tiêu dùng có quyền lựa chọn và sự cạnh tranh đã giúp đem lại sự cải thiện nhanh chóng chưa từng có trong các đơn vị kinh tế quốc doanh về chất lượng dịch vụ khả năng đáp ứng yêu cầu người tiêu dùng . . . Một số đơn vị quốc doanh yếu kém đã bị phá sản hoặc tổ chức lại. Thay thế cho tiêu chuẩn xem xét trước đây là quốc doanh hay hợp tác xã, người tiêu dùng coi trọng chất lượng và ít phân biệt về thành phần kinh tế.

Những mặc cảm về kinh tế tư nhân đã giảm bớt. Sự ỷ lại vào Nhà nước đã giảm rõ rệt.

Tuy chưa hình thành thị trường lao động, hoàn chỉnh, song một số không ít công nhân, kỹ sư giỏi trong kinh tế quốc doanh đã làm thêm cho tư nhân hoặc chuyển hẳn sang các cơ sở tư nhân. Sự năng động và sáng kiến cá nhân được khuyến khích, coi trọng và có điều kiện để thực hiện, tuy còn nhiều trở lực về hành chính và tâm lý, khả năng phát triển và sự lựa chọn của cá nhân trong xã hội đã mở rộng hơn, đa dạng hơn. Mỗi người có trách nhiệm và có khả năng tự tạo việc làm cho mình, không chỉ ỷ lại và Nhà nước, không chỉ bó hẹp trong các tổ chức của Nhà nước.

Tâm lý hình thành nhân cách cũng có những thay đổi quan trọng. Thay thế cho tâm lý hình thành một nhân cách nhấn mạnh một chiều về khả năng thích nghi với cơ chế đã định sẵn cũng như những chuẩn mực hành vi quy ước phù hợp với cơ chế và bộ máy đó, ngày nay, yếu tố sáng tạo chủ động trong nhân cách đã được coi trọng hơn. Khả năng phát triển rộng rãi hơn của cá nhân, sự khẳng định vai trò của cá nhân trong xã hội là một tiến bộ to lớn của đổi mới.

Với một dân tộc cần cù và thông minh như dân tộc Việt Nam, định hướng đúng đắn đó mở ra những khả năng to lớn về lâu dài.

Trước mắt, chính sách nhiều thành phần cũng gây ra những khó khăn và một số tiêu cực về mặt xã hội .

Do thiếu kinh nghiệm quản lý kinh tế tư nhân, chưa kịp thời ban hành các qui định pháp lý và không có đủ thời gian để đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, việc phát triển ồ ạt kinh tế tư nhân đã không tránh khỏi một số thiếu sót.

Việc sụp đổ một loạt hợp tác xã tín dụng không những chỉ gây khó khăn về tài chính mà cũng làm tổn thất đến lòng tin của người dân lương thiện.

Nhiều công ty tư nhân đã hoạt động nghiêm chỉnh, trung thực theo đúng như đăng ký. Một số nhanh chóng chiếm được thị trường, sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng cao. Bên cạnh đó, một số cơ sở tư nhân đã có hoạt động không phù hợp với đăng ký, trốn thuế hoặc hạ thuế. Những hoạt động làm hàng giả, mạo nhận nhãn

<sup>1</sup> Phạm Văn Khánh. *Tạp chí ứng son* 10-1988, trang 54.

hiệu cũng xảy ra không ít. đặc biệt, đã có những hoạt động buôn lậu qua biên giới trên quy mô lớn và đã giàu lên nhanh chóng. Ở thành thị, những kẻ giàu mới nổi lên bằng cách làm ăn phi pháp đã có một lối sống hoàn toàn xa lạ với quần chúng và gây sự phẫn nộ chính đáng của người lao động.

Ở nông thôn, chế độ khoán đã được áp dụng rộng rãi trong cả nước. Hộ nông nghiệp trở thành đơn vị kinh tế ở nông thôn, người chủ hộ tự quyết định về tái sản xuất trên thửa ruộng nhận khoán. Do hiệu quả kinh tế cao hơn và không phải gánh vác các khoảng chi của hợp tác xã, thu nhập của nông dân nhận khoán tăng từ 2 đến 3 lần so với trước đây, tùy thuộc vào vùng và loại cây trồng. Tác động xã hội trước hết là đời sống của nông dân được cải thiện rõ rệt: Điều kiện ở và các thiết bị trong gia đình đã khá hơn.

Song, cơ chế khoán cũng có những tác động xã hội không lường trước.

Do gắn bó hơn với ruộng đất, ruộng đất trở thành nguồn thu nhập quý báu, tranh chấp ruộng đất đã diễn ra khá phổ biến. Mặc dầu đã được giải quyết đến 80% song vấn đề ruộng đất vẫn đòi hỏi một giải pháp thích hợp trong thời gian tới.

Trong những ngày thời vụ khẩn trương, học sinh ở nông thôn phải tham gia nhiều vào công việc canh tác, đã ảnh hưởng không ít đến công việc học tập của các em.

Nhìn chung, việc một số người làm ăn bất chính không cần có học vấn và kiến thức cao mà vẫn giàu lên nhanh chóng đã làm đảo lộn những thứ bậc giá trị trong một bộ phận dân cư, nhất là trong thanh niên. Việc học tập không còn được coi trọng như trước đây. Thêm vào đó, do phải trả học phí từ năm học thứ 5 trở đi, các gia đình đông con khó có thể để cho tất cả các con học hết lớp 12 phổ thông. Vì vậy, tỷ lệ trẻ em phổ thông trung học bị giảm sút. Một mặt trái khác của cơ chế khoán là sự giảm sút của hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo và trạm y tế ở nông thôn. Do hợp tác xã không còn quỹ phúc lợi, một số không ít nhà mẫu giáo và trạm y tế ở nông thôn bị tan rã hoặc xuống cấp nghiêm trọng.

Cùng với quá trình thực hiện cơ chế khoán, sự phân hóa giàu nghèo ở nông thôn cũng tăng

Trước đây, sau cải cách ruộng đất và hợp tác hóa, ở nông thôn đã không có sự bình đẳng về thu nhập và công bằng xã hội như mong muốn. Các thành viên trong ban chủ nhiệm hợp tác xã và các đội trưởng đã làm giàu trên cơ sở phân phối lại đóng góp của xã viên.

Ngày nay, sự bất bình đẳng trong thu nhập diễn ra khác so với trước đây. Những hộ có nhiều lao động, có vốn, nhận nhiều ruộng khoán, có ngành nghề, đã giàu lên nhanh chóng. Tỷ lệ hộ giàu chiếm 15-20% số hộ. () mỗi vùng, số hộ nghèo chiếm khoảng 5% đến 15% trong đó nhiều hộ là gia đình hết sĩ hoặc thương binh. Vấn đề công bằng xã hội, làm nghĩa vụ đối với những gia đình có công với đất nước và cứu trợ xã hội, là một vấn đề bức bách cần phải giải quyết.

C) nông thôn, những người nông dân làm khoán đã tập hợp lại với nhau trong các hội quần chúng (hội nuôi ong, nuôi tôm. . . ), các tổ chức từ thiện đã hoạt động tích cực hơn.

Việc chuyển sang *cơ chế thị trường*, xóa bỏ cơ chế cũ, chỉ huy bằng mệnh lệnh hành chính đã đem lại nhiều thay đổi xã hội quan trọng.

Việc áp dụng giá thị trường, bãi bỏ chế độ bán theo định lượng đã đem lại sự hài lòng lớn trong xã hội. Không cần phải tiêu phí thời gian vô ích vào việc xếp hàng, lo mua cho hết tem phiếu tại cửa hàng nhà nước. . . là một cải thiện lớn cho dân chúng. So với một nền kinh tế kém phát triển thì đây là một tiến bộ quan trọng.

Bãi bỏ giá bán cấp cũng làm thay đổi tâm lý và thái độ của người tiêu dùng. Trước đây, giá bao cấp đã tạo ra những nhu cầu giả tạo, người ta mua không chỉ vì cần tiêu dùng mà còn do muốn thu chênh lệch giá. điều này đã làm biến dạng quan hệ cung-cầu trên thị trường, thường xuyên tạo ra những căng thẳng giả tạo đối với những mặt hàng được trợ giá. Với việc chuyển sang kinh doanh, chóng được lạm phát, thị trường phong phú hơn, khả năng kiếm tiền cũng nhiều hơn làm cho tâm lý thực dụng trong xã hội trở dậy và Chi phối mạnh mẽ. Xu hướng thương mại hóa đã lan sang các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, gây ra những hệ quả xã hội khó lường hết.

Do đổi mới kinh tế trong điều kiện kinh tế trong nước có những khó khăn gay gắt, không có thêm sự trợ giúp ở bên ngoài, nên trong các chính sách kinh tế mới được áp dụng chưa có các biện pháp toàn diện về mặt

phúc lợi xã hội.

Tiền lương của công nhân viên chức tuy đã được bổ sung nhiều lần các khoản phụ cấp đắt đỏ song thu nhập của người ăn lương vẫn chưa bằng năm 1985. Tiền công của công nhân viên chức của các đơn vị sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào kết quả sản xuất của đơn vị kinh tế. Khoảng 30 70 xí nghiệp có thu nhập cao, trong đó có nhiều nguồn thu không gắn với tạo giá trị mới. Thu nhập trong xã hội trở nên hỗn loạn sự phân cực về thu nhập và mức sống quá lớn, gây ra những căng thẳng trong dư luận xã hội.

Trong cơ chế mới, sự phân phối bình quân chủ nghĩa được thay thế bằng chênh lệch thu nhập dựa trên hiệu quả kinh tế. Sự chênh lệch chính đáng là cần thiết để tạo ra khuyến khích vật chất cho sự phát triển. Song sự giàu lên quá nhanh của những kẻ làm ăn phi pháp bị dư luận lên án.

Những tiến bộ về kinh tế chưa tạo điều kiện để cải cách hệ thống bảo hiểm xã hội, cứu trợ và phúc lợi xã hội trong thời gian qua. Do có khó khăn về ngân sách, mức độ trợ giúp xã hội của nhà nước bị hạn chế và không theo kịp tốc độ tăng giá.

Việc áp dụng thu học phí, thu viện phí đối với các dịch vụ chăm sóc y tế đòi hỏi ngân sách gia đình eo hẹp của người lao động phải gánh vác thêm những khoản chi phí mới. Người dân phải hạn chế và giảm bớt việc sử dụng các dịch vụ khám bệnh và chữa bệnh, tỷ lệ khám bệnh và chữa bệnh đã giảm rõ rệt sau khi áp dụng viện phí. Việc làm là một vấn đề gay gắt đối với một nước kinh tế kém phát triển và có tốc độ tăng dân số cao như Việt Nam.

Hiện nay ở Việt Nam chưa có chế độ chính thức đăng ký thất nghiệp, chưa có chế độ trợ cấp thất nghiệp. Số liệu về số người không có việc làm cũng rất khác nhau. Con số chính thức của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội là 1,5 triệu người, của Tổng cục Thống kê là 1,9 triệu người. Nếu tính cả người thiếu việc làm ở nông thôn thì nhiều nhà kinh tế đã nói đến những con số cao hơn rất nhiều.

Một mặt, việc mở ra cho kinh tế tư nhân hoạt động đã tạo thêm nhiều công ăn việc làm và thu hút một số đáng kể lao động. Mặt khác, việc cắt giảm bao cấp, xuất hiện tình trạng cạnh tranh gay gắt cho kinh tế quốc doanh nhiều khó khăn. Nhiều cơ sở kinh tế của cấp quận, huyện không có khả năng hoạt động, làm cho hàng chục vạn người tạm thời thiếu việc làm. Những người này được hưởng trợ cấp từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó có phần của ngân sách trung ương, của ngân sách địa phương và của bản thân xí nghiệp.

Khoảng 400.000 người đã được đưa ra khỏi bộ máy của các xí nghiệp, của các công ty. Một số sẽ học nghề mới, một số sẽ tự kinh doanh hoạt động dịch vụ.

Một hiện tượng mới là nhiều tổ chức nhân đạo phi chính phủ đã được thành lập và hoạt động có hiệu quả nhằm trợ giúp người tàn tật, trẻ em mồ côi hoặc trợ cấp thêm cho sinh viên học giỏi. Sự tái xuất hiện và hoạt động của các tổ chức nhân đạo là một biểu hiện tích cực, nhân đạo trong xã hội Việt Nam như là một đòi hỏi tinh thần cho xu thế thương mại hoá và chạy theo đồng tiền.

Trong công luận cũng như trong chính sách của chính phủ đang có những cố gắng nhằm:

- Uốn nắn các biểu hiện lệch lạc trong giáo dục, văn học, nghệ thuật, đơn thuần chạy theo lợi nhuận.
- Chuẩn bị để cải cách một cách cơ bản tiền lương, tiền công giảm bớt bất công xã hội bằng thuế thu nhập.
- Tạo thêm việc làm bằng cách huy động thêm vốn nước ngoài, vốn trong dân.

Quá trình mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại đã có những kết quả bước đầu, song so với các chính sách trên chưa dẫn đến những ảnh hưởng sâu rộng về mặt xã hội.

Số vốn đầu tư nước ngoài, từ phương Tây tập trung và thăm dò và khai thác dầu khí, hiện nay chưa tạo ra ảnh hưởng lớn về việc làm, thu nhập... cho đông đảo người Việt Nam. Số hoạt động đầu tư tập trung vào một số thành phố lớn như thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội. Do mở rộng xuất-nhập khẩu, sản xuất hàng xuất khẩu phát triển - nhập khẩu đã làm cho thị trường trong nước phong phú và đa dạng hơn. Người tiêu dùng có quyền lựa chọn, yêu cầu về chất lượng tạo đang tăng lên,

Số khách du lịch đã tăng lên. Báo chí đã nói đến những hoạt động mãi dâm tri liên quan đến du lịch cần ngăn

chặn. Trong 3 năm 1987-1989 đã có 18 vạn lao động Việt Nam ,làm việc ở nước ngoài. Những người này, nay đang lần lượt trở về. Họ không những cần công việc làm, chỗ ở, hàng tiêu dùng. . . mà họ còn mang theo những ảnh hưởng của nước ngoài về nước.

Tất cả những điều đó đã và sẽ làm cho xã hội Việt Nam nhiều mâu sắc hơn, đa dạng hơn. Dư luận xã hội đã cởi mở hơn và bao dung hơn trước một loạt hiện tượng mới về văn hóa, tinh thần.

Trong thời gian ngắn ở Việt Nam đã dịch nhiều tác phẩm kinh tế phương Tây : từ Samuelson đến "Kinh tế học của sự phát triển" của trường Đại học Harvard, từ hồi ký của Iacocca đến các sách quản lý kinh tế khác của Mỹ. Thi trường sách dịch văn học còn đa dạng và phức tạp hơn. Khán giả Hà Nội đã tán thưởng một giàn nhạc nhẹ có tên "Sông Hồng" do một người cộng hòa Liên bang Đức là Klawns Immer dàn dựng, báo chí đã ca ngợi một nữ ca sĩ- sinh viên Mỹ có tên Việt Nam là Hương Thảo và mới đây ban nhạc Roxk Pháp Cyclope đã được giới trẻ cổ vũ cuồng nhiệt vượt quá sức dự đoán.

Có ý kiến cho rằng ở Việt Nam đang có xu hướng sùng bái nước ngoài. Cần chú ý theo dõi và phân tích nhận xét này. Song, điều chắc chắn là xã hội Việt Nam đang chịu ảnh hưởng tăng lên từ rất nhiều phía của văn hóa nước ngoài. Quá trình này diễn ra cùng với quá trình mở rộng hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật với thế giới.

Trên đây là một số nhận xét sơ bộ về những tác động xã hội của các chính sách bình tế. Đổi mới kinh tế ở Việt Nam từ 1986 đến nay đã không gây ra những cơn sốt dữ dội về giá cả hoặc làm đảo lộn tâm lý - xã hội, mà điều có thể khẳng định là nó đã gây ra những tác động tích cực về xã hội, được sự đồng tình và ủng hộ của đại đa số nhân dân. Ngay cả những người gặp khó khăn tạm thời trong quá trình đổi mới cũng xác nhận sự thay đổi tích cực đó và ủng hộ đổi mới một cách nhiệt thành. Sự ủng hộ đó cũng bao gồm cả yêu cầu khắc phục một số yếu kém và lệch lạc đã xuất hiện như đã nêu trên. Quá trình khắc phục đã bắt đầu, tuy sẽ không đơn giản và dễ dàng.

Công cuộc đổi mới càng phát triển thì tác động xã hội của nó càng sâu rộng hơn. Chúng ta cần tiếp tục nghiên cứu tác động qua lại giữa kinh tế và xã hội để đi đến những kiến giải thực tế và đúng đắn. Nhằm mục đích đó, việc tiến hành khảo sát xã hội học những chuyển đổi về cơ cấu xã hội và định hướng giá trị của các tầng lớp dân cư trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo hướng xã hội chủ nghĩa là một hướng đi thích hợp và cần thiết.



*Làm việc với lãnh đạo Liên đoàn lao động thành phố Hà Nội  
triển khai đề tài nghiên cứu về giải cấp công nhân Thủ đô.*